

Bản án số: 109/2024/HS-ST

Ngày: 10/6/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Sỹ Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Quý.
- Ông Nguyễn Đình Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Minh Phước - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa: Ông Trần Trung Tín - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 5, ngày 06 tháng 6 và ngày 10 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 23/2024/TLST-HS ngày 29/01/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 739/2024/QĐXXST-HS ngày 16/4/2024 và Thông báo về việc thay đổi ngày, giờ xét xử số 864/TB-HS ngày 06/5/2024 đối với các bị cáo:

1. **Trần Vũ Bảo H**, tên gọi khác: không; sinh ngày 08/10/1998 tại Vĩnh Long; nơi thường trú: **ấp X, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; chỗ ở: A L, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh**; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Quản lý nhà hàng; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Văn P**, sinh năm 1978 và bà **Nguyễn Thị Ngọc L**, sinh năm 1980; vợ, con: không; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 11/7/2023 và có mặt tại phiên tòa.

2. **Võ Văn T**, tên gọi khác: không; sinh ngày 12/4/1986 tại Bến Tre; nơi thường trú: 145/MH **ấp M, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre**; chỗ ở: không có nơi cư trú nhất định; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Đầu bếp; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Võ Văn T1**, sinh năm 1946 và bà **Trần Thị T2**, sinh năm 1956; có vợ tên **Lê Thị D** và 01 con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 11/7/2023 và có mặt tại phiên tòa.

3. **Trịnh Hồng T3**, tên gọi khác: không; sinh ngày 04/02/2001 tại Nghệ An; nơi thường trú: **khối H, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An**; chỗ ở hiện nay:

không có nơi cư trú nhất định; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: nhân viên phục vụ; con ông **Trịnh Xuân C**, sinh năm 1976 và bà **Lê Thị N**, sinh năm 1980; vợ, con: không; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 11/7/2023 và có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Nguyễn Anh T4**, sinh năm 2004; trú tại: **ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang**; chỗ ở: **2056/50 H, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh** (có mặt);

2. Bà **Nguyễn Hoàng K**, sinh năm 2001; trú tại: **C ấp P, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre**; chỗ ở: **1 H, Khu phố B, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh** (có mặt).

3. Bà **Nguyễn Thị Tusinh** năm 1989 trú tại: **F L, phường P, quận T, Thành phố H ở: G L, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh** (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 10/7/2023, **Trần Vũ Bảo H** cùng bạn là **Võ Văn T** ăn uống ở quán nhậu **đường L, Quận G**. Khi ăn uống, **H** và **T** có yêu cầu 02 nhân viên phục vụ là **Nguyễn Anh T4**, **Nguyễn Hoàng K** đến ngồi cùng. Sau khi ăn xong, **H** và **T** rủ **T4** và **K** đến phố đi bộ **B2, Quận A** uống nước, nghe nhạc. Tại phố đi bộ **Bùi V**, cả bốn vào **quán L3, số E đường B, Quận A** ngồi uống nước. Do muốn hát Karaoke nên **H** hỏi nhân viên phục vụ là **Trịnh Hồng T3** thì được **T3** dẫn lên phòng bên phải lầu 2, nhà **số B đường B** (đối diện **quán L4**) để hát Karaoke. Ngồi hát được 15 phút, **H** nảy sinh ý định sử dụng ma túy nên rủ **T** mua ma túy thuốc lắc và Ketamine để cả nhóm cùng sử dụng, **T** đồng ý. Hiện hỏi **T3** có bán ma túy loại thuốc lắc và **K1** không thì **T3** trả lời có và hỏi số lượng ma túy cần mua bao nhiêu, **H** và **T** trả lời cần mua khoảng 2.000.000 đồng. **T3** đồng ý và xuống **quán L3** tại địa chỉ **số E đường B** gặp 01 người tên thường gọi là “**Đ**” (không rõ lai lịch) hỏi mua ma túy thì được báo 2.000.000 đồng mua được 02 viên thuốc lắc và 01 chাম Ketamine. **T3** quay trở lại phòng báo lại cho **H** và **T** biết giá cả và số lượng ma túy mua được như trên, **H** và **T** đồng ý, mỗi người đưa cho **T3** 1.000.000 đồng, tổng cộng là 2.000.000 đồng, **T3** cầm tiền mang xuống đưa cho **Đ** để nhận ma túy mang lên giao cho **H** và **T**, **T3** được **Đ** cho lại 400.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, **T3** lên phòng đưa ma túy gồm 02 viên thuốc lắc và 01 chাম (khoảng 01 gam) Ketamine cho **H**. Do không biết cách chế biến ma túy Ketamine nên **H** nhờ **T3** chế biến (xào, nấu), **T3** đồng ý. **T3** kêu **H** đưa tiền để xào ma túy, **H** đưa cho **T3** tờ tiền 5.000 đồng, **T3** đổ ma túy Ketamine dạng tinh thể vào tờ tiền 5.000 đồng hơi lửa, cả nhuyển bằng hộp quẹt để thành bột đổ vào ly thủy tinh kèm ống hút rồi đặt trên bàn cho nhóm của **H** sử dụng rồi đi ra ngoài. Tiếp đó, **H** lấy 01 viên “Thuốc lắc” bẻ thành 04 phần, lấy

1/4 viên bỏ vào ly nước ngọt rồi nói mọi người uống chung. Hiên uống trước rồi đưa ly nước ngọt có ma túy cho **Kim u, K** uống xong Hiên đưa ly nước ngọt cho **T** uống, sau đó **T** đưa ly nước ngọt có ma túy cho **T4** uống. Sau đó, **H** đưa 01 mảnh viên thuốc lắc cho **T** để sử dụng nhưng **T** không sử dụng mà cất giữ trong túi quần.

Lúc này, **K** ra ngoài đi vệ sinh, **H** để 01 mảnh viên thuốc lắc tại gờ cạnh bên trái bàn dưới mặt kính gần chỗ **T4** ngồi để **T4** có sử dụng thêm thì sử dụng, còn lại 01 viên và 01 mảnh viên thuốc lắc còn lại **H** bỏ trong gói nylon và để trên mặt bàn để sử dụng sau. Đến khoảng 22 giờ 20 phút cùng ngày, tổ công tác Công an phường **P, Quận A** tiến hành kiểm tra hành chính cơ sở kinh doanh tại địa chỉ **số B B**. Khi kiểm tra phòng bên phải tại lầu 2 (hướng cầu thang đi lên) của cơ sở thì phát hiện **T3** ngồi trước cửa phòng, tiếp tục mở cửa phòng thì phát hiện **H, T, T4, K** ở trong phòng. Qua kiểm tra có sự chứng kiến của **T3**, đã phát hiện, thu giữ trên mặt bàn: 01 ly thủy tinh đựng ống hút nhựa và bột màu trắng; 01 gói nylon đựng 01 viên nén màu xanh, 01 mảnh vụn viên nén màu xanh; dưới gờ mặt ngoài bàn (dưới mặt kính) có 01 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng và 01 ống hút. Đồng thời, **Võ Văn T** tự lấy trong túi quần phía trước, bên trái **T** đang mặc ra 01 mảnh vụn viên nén màu xanh. **T3, H, T4, T, K** khai viên nén màu xanh và chất bột màu trắng là ma túy nên tổ công tác đã đưa 05 đối tượng cùng vật chứng giao Công an phường **Phạm Ngũ L1, Quận A** lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an **Q** xử lý theo thẩm quyền.

Tại bản Kết luận giám định số 7595/KL-KTHS ngày 19/7/2023 của Phòng **K2 Công an Thành phố H** kết luận:

- Gói 1: 01 mảnh vụn viên nén màu xanh được niêm phong bên ngoài có dấu vân tay, các chữ ký ghi tên **Trịnh Hồng T3, Võ Văn T** và hình dấu Công an phường **P, Quận A** là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,1510 gam loại MDMA.

- Gói 2: 01 viên nén màu xanh và 01 mảnh vụn viên nén màu xanh trong 01 gói nylon được niêm phong bên ngoài có dấu vân tay, các chữ ký ghi tên **Trịnh Hồng T3, Trần Vũ Bảo H, Võ Văn T, Nguyễn Hoàng K, Nguyễn Anh T4** và hình dấu Công an phường **P, Quận A** đều là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 0,6166 gam loại MDMA.

- Gói 3: Bột màu trắng trong 01 gói nylon được niêm phong bên ngoài có dấu vân tay, các chữ ký ghi tên **Trịnh Hồng T3, Trần Vũ Bảo H, Võ Văn T, Nguyễn Hoàng K, Nguyễn Anh T4** và hình dấu Công an phường **P, Quận A** là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,3373 gam loại Ketamine.

- Gói 4: 01 mảnh vụn viên nén màu xanh được niêm phong bên ngoài có dấu vân tay, các chữ ký ghi tên **Trịnh Hồng T3, Trần Vũ Bảo H, Võ Văn T, Nguyễn Hoàng K, Nguyễn Anh T4** và hình dấu Công an phường **P, Quận A** là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,1426 gam loại MDMA.

Tại cơ quan điều tra, **Trần Vũ Bảo H, Võ Văn T, Trịnh Hồng T3** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Nguyễn Hoàng K và **Nguyễn Anh T4** khai nhận cả hai là nhân viên phục vụ được **H** và **T** rủ nên đi cùng đến phố đi bộ **Bùi V** uống nước, nghe nhạc. Khi vào phòng hát karaoke, **T4** và **K** thấy **T** và **H** đưa tiền cho **T3** mua ma túy nhưng số lượng bao nhiêu, giá cả như thế nào thì **T4** và **H** không biết. Khi **H** pha thuốc lắc vào ly nước **C1**, **T4** và **K** có uống. Do còn phải đi làm nên **T4** và **K** không sử dụng Ketamine.

Đối với đối tượng tên **D** (không rõ lai lịch) người đã đưa ma túy cho **T3** để bán, quá trình điều tra chưa xác định được lai lịch, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, nếu đủ cơ sở sẽ xử lý sau.

Vật chứng vụ án:

- Thu giữ tại hiện trường: 04 gói niêm phong bên trong có chứa 0,3373 gam ma túy loại Ketamine và 0,9102 gam ma túy loại MDMA; 01 ly thủy tinh; 02 ống hút nhựa màu đen; 01 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng.

- Thu giữ của **Trịnh Hồng T3**: 01 điện thoại di động hiệu Iphone và số tiền 540.000 đồng.

- Thu giữ của **Trần Vũ Bảo H**: 01 điện thoại di động hiệu OPPO, số Imei: 865545058770593, số Imei 2: 865545058770585 và số tiền 1.000.000 đồng.

- Thu giữ của **Võ Văn T**: 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO, số Imei 1: 866124066525297, số Imei 2: 866124066525289; số tiền 12.000.000 đồng; 01 xe mô tô hiệu Honda loại SH 150I, biển số 59D3-317.45.

Tại bản Cáo trạng số 35/CT-VKS-Q1 ngày 23/01/2024, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 đã truy tố: các bị cáo **Trần Vũ Bảo H**, **Võ Văn T** về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 1 Điều 249 và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255; bị cáo **Trịnh Hồng T3** về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 2 Điều 251 và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa ngày 30/5/2024, các bị cáo **Trịnh Hồng T3**, **Trần Vũ Bảo H** có nhiều lời khai khác nhau, nhưng tại phiên tòa ngày 06/6/2024, sau khi Hội đồng xét xử công bố các lời khai tại giai đoạn điều tra và được xem lại các đoạn phim ghi âm, ghi hình ghi lời khai, đối chất, các bị cáo **Trịnh Hồng T3**, **Trần Vũ Bảo H** đã xác nhận lời khai của mình tại giai đoạn điều tra và thừa nhận các hành vi như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận 1. Các bị cáo **H**, **T3** thừa nhận các tội danh mà Viện kiểm sát truy tố là đúng, không oan sai.

Bị cáo **Võ Văn T** chỉ thừa nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, không thừa nhận có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, không thừa nhận có bàn bạc cùng với bị cáo **H** trong việc trao đổi với bị cáo **T3** mua ma túy mang vào phòng để sử dụng, số tiền 1.000.000 đồng Thanh đưa cho bị cáo **H** không phải là đề hùn mua ma túy, mà là đề **H** bo (típ) cho **Nguyễn Anh T4** và **Nguyễn Hoàng K**. Sở dĩ bị cáo có lời khai nhận tội tại giai đoạn điều tra là do bị

cáo **H** nói chỉ bị xử phạt hành chính và mới bị bắt không tỉnh táo nên mới thừa nhận.

Bà **Nguyễn Anh T4** và bà **Nguyễn Hoàng K** thừa nhận lời khai tại giai đoạn điều tra là đúng và xác nhận: tại phòng karaoke, **T4** và **K** có thấy các bị cáo **H**, **T** trao đổi với bị cáo **T3**, có thấy **T** và **H** mỗi người lấy ra 1.000.000 đồng để đưa cho **T3**, sau khi **T3** mang ma túy vào, **T4** và **K** mới biết là ma túy do **H** và **T** mua để cả nhóm sử dụng. Sau khi **H** pha ma túy vào nước ngọt, **H** uống trước, sau đó **K** uống rồi đưa lại ly nước ngọt có ma túy cho **T** uống, **T** tiếp tục đưa ly nước cho **T4** uống.

Sau khi kiểm tra toàn bộ lời khai của các bị cáo cùng với các tài liệu chứng cứ khác được đưa ra xem xét tại phiên tòa; đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo **Trần Vũ Bảo H**, **Võ Văn T** về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; bị cáo **Trịnh Hồng T3** về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Đề nghị hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm i khoản 1, khoản 5 Điều 249; điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo **Trần Vũ Bảo H** từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội từ 10 năm đến 11 năm 06 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo 55.000.000 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

- Áp dụng điểm i khoản 1, khoản 5 Điều 249; điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 255; Điều 17; Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo **Võ Văn T** từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội từ 10 năm đến 11 năm 06 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo 55.000.000 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

- Áp dụng điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo **Trịnh Hồng T3** từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội từ 15 năm đến 17 năm tù. Phạt bổ sung bị cáo 70.000.000 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy: 04 gói niêm phong bên trong có chứa 0,3373 gam ma túy loại Ketamine và 0,9102 gam ma túy loại MDMA; 01 ly thủy tinh; 02 ống hút nhựa màu đen. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng thu giữ tại hiện trường và số tiền 400.000 đồng thu giữ

của bị cáo **T3**. Trả lại cho bị cáo **Trịnh Hồng T3**: 01 điện thoại di động hiệu Iphone và số tiền 140.000 đồng. Trả lại cho bị cáo **Trần Vũ Bảo H**: 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO, số Imei: 865545058770593 và số tiền 1.000.000 đồng. Trả lại cho bị cáo **Võ Văn T**: 01 điện thoại di động hiệu OPPO, số Imei 1: 866124066525297; số tiền 12.000.000 đồng và 01 xe mô tô hiệu Honda loại SH 150I, biển số 59D3-317.45.

Các bị cáo **Trịnh Hồng T3**, **Trần Vũ Bảo H** không tranh luận. Bị cáo **Võ Văn T** thống nhất với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận.

Bà **Nguyễn Hoàng K**, **Nguyễn Anh T4** không tranh luận.

Trong phần nói lời sau cùng, các bị cáo **Trịnh Hồng T3**, **Trần Vũ Bảo H**, **Võ Văn T** thể hiện sự ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về với gia đình, hòa nhập xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an Q**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo **Trịnh Hồng T3**, **Trần Vũ Bảo H**, **Võ Văn T** không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo **Trần Vũ Bảo H**, **Trịnh Hồng T3** đã khai nhận toàn bộ những hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận 1. Riêng bị cáo **Võ Văn T** chỉ thừa nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, không thừa nhận hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, không thừa nhận có bàn bạc cùng với bị cáo **H** trong việc trao đổi với bị cáo **T3** mua ma túy mang vào phòng để sử dụng, số tiền 1.000.000 đồng Thanh đưa cho bị cáo **H** không phải là để hùn mua ma túy, mà là để **H** bo (típ) cho **Nguyễn Anh T4** và **Nguyễn Hoàng K**.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Tại biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 11/7/2023 (BL 115-118), bị cáo **T** khai nhận: tại phòng karaoke, **H** có hỏi **Trịnh Hồng T3** để nhờ mua ma túy, **T** và **H** bỏ ra mỗi người 1.000.000 đồng để đưa cho **T3** đi mua ma túy. Tại bản chụp thu giữ vật chứng (BL 183-184), **T** ký và xác nhận hình ảnh vật chứng thu giữ là số ma túy thuốc lắc và ketamine của **T** và **Trần Vũ Bảo H** cùng hùn tiền mua để sử dụng, chưa sử dụng hết thì bị kiểm tra thu giữ. Biên bản nhận dạng (BL 165, 166), bị cáo **T** nhận dạng được **H** và xác nhận **Hiên** có

mặt tại phòng Karaoke lầu 2, nhà số B B và là người cùng T hùn tiền mua ma túy cho cả nhóm sử dụng.

[2.2] Tại bản tường trình, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can (bút lục 160, 161, 162, 175, 176, 177, 178, 179, 180, 181, 182) bị cáo Võ Văn T thừa nhận: tại quán L3, nhà số B đường B, ngồi chơi được 15 phút thì, tôi (T) và H nảy sinh ý định sử dụng ma túy nên hỏi Trịnh Hồng T3 có “keo, ke (khay) không, nghĩa là có ma túy thuốc lắc và ketamine không thì T3 trả lời “có” và hỏi chúng tôi (T và H) cần mua bao nhiêu tiền, H nói cần mua khoảng 2.000.000 đồng. Sau đó, T3 rời phòng, khoảng 15 phút sau quay lại báo giá cho tôi (T) và H biết giá 2.000.000 đồng mua được 02 viên thuốc lắc và 01 chাম ketamine. Sau đó, tôi (T) và H mỗi người góp 1.000.000 đồng, tổng cộng là 2.000.000 đồng (bốn tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng) đưa cho T3 đi mua ma túy mang lên phòng để cả nhóm sử dụng.

[2.3] Tại biên bản đối chất (bút lục 130, 131) giữa bị cáo T với bị cáo Trần Vũ Bảo H, biên bản đối chất (BL 171, 172, 173, 174) giữa bị cáo T và Nguyễn Anh T4, Nguyễn Hoàng K, bị cáo Võ Văn T đều thừa nhận các nội dung trên, bị cáo công nhận lời trình bày của H, T4, K là đúng, thừa nhận “tôi (T) và H cùng thống nhất hùn tiền mua ma túy cho cả nhóm (04 người) sử dụng”.

[2.4] Lời khai của bị cáo Võ Văn T tại giai đoạn điều tra như đã nêu, phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra của bị cáo Trần Vũ Bảo H (bút lục số 134, 135, 136, 137, 138, 139, 140, 143, 144, 145), lời khai của bị cáo Trịnh Hồng T3 (bút lục 206, 207, 232, 225, 226, 227, 228, 229, 230, 231), lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hoàng K (bút lục số 251, 252, 253, 254, 255, 258, 259, 260), Nguyễn Anh T4 (bút lục số 279, 280, 281, 282, 283, 286, 287, 288); phù hợp với lời khai tại phiên tòa của H, T3, K và T4.

[2.5] Thời điểm bắt giữ, kết quả xét nghiệm thể hiện bị cáo T âm tính với ma túy, lời khai ban đầu do chính bị cáo khai, xuyên suốt quá trình điều tra bị cáo đều ký tên, xác nhận đã đọc lại biên bản, công nhận nội dung là đúng, không bị ép cung, nhục hình nên việc bị cáo cho rằng khi bị tạm giữ không tỉnh táo, Hiện hướng dẫn khai để được xử lý vi phạm hành chính là không phù hợp.

Do đó, có cơ sở không chấp nhận lời khai của bị cáo Võ Văn T tại phiên tòa.

[3] Từ những nhận định trên, căn cứ vào biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét, biên bản thu giữ vật chứng, bản kết luận giám định; căn cứ lời khai của bị cáo Võ Văn T tại giai đoạn điều tra và lời khai của các bị cáo Trần Vũ Bảo H, Trịnh Hồng T3 tại giai đoạn điều tra (trong đó có các biên bản ghi lời khai có ghi âm, ghi hình), lời khai tại phiên tòa, lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hoàng K, Nguyễn Anh T4; căn cứ vào các biên bản đối chất (có ghi âm, ghi hình), biên bản nhận dạng

và các chứng cứ tài liệu khác do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét đã có đủ cơ sở xác định:

[3.1] Vào khoảng 22 giờ 20 phút ngày 10/7/2023, tại phòng bên phải, Tầng 2 nhà số B B, phường P, Quận A, Trần Vũ Bảo H và Võ Văn T đang tổ chức cho Nguyễn Hoàng K và Nguyễn Anh T4 cùng sử dụng trái phép chất ma túy thì bị kiểm tra, phát hiện bắt quả tang. Thu giữ trên bàn: 01 ly thủy tinh đựng ống hút nhựa và bột màu trắng là ma túy ở thể rắn, khối lượng 0,3373 gam loại Ketamine; 01 gói nylon chứa 01 viên nén màu xanh và 01 mảnh viên nén màu xanh là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,6166 gam, loại MDMA; dưới gờ cạnh bên trái bàn 01 mảnh viên nén màu xanh là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,1426 gam, loại MDMA; 01 mảnh viên nén màu xanh là ma túy ở thể rắn, khối lượng 0,1510 gam, loại MDMA do bị cáo T tự lấy trong túi quần ra giao nộp. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 0,3373 gam ma túy loại Ketamine và 0,9102 gam ma túy loại MDMA. Số ma túy trên được H và T cùng thỏa thuận với Trịnh Hồng T3 và mỗi bị cáo góp 1.000.000 đồng mua ma túy của T3 để cả nhóm 04 người gồm: Hiên, T, K và T4 cùng sử dụng còn lại thì bị kiểm tra, thu giữ. Trịnh Hồng T3 là người liên lạc gặp người tên Đ không rõ lai lịch hỏi mua số lượng ma túy, hỏi giá tiền để báo lại và bán lại cho H và T, thu lợi bất chính 400.000 đồng. Sau khi giao ma túy cho H và T, T3 còn có hành vi chế biến (xào, nấu) ma túy giúp cả nhóm của H và T sử dụng và để cho H, T, K, T4 sử dụng ma túy tại địa điểm do mình đang phụ trách quản lý.

[3.2] Toàn bộ số ma túy thu giữ nêu trên được giám định, kết quả thể hiện tại bản Kết luận giám định số 7595/KL-KTHS ngày 19/7/2023 của Phòng K2 Công an Thành phố H.

[3.3] Căn cứ Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính Phủ quy định về tính tổng khối lượng chất ma túy, thì tỷ lệ Ketamine là 0,3373 gam so với 20 gam = 1,68%; tỷ lệ MDMA là 0,9102 gam so với 05 gam = 18,20% nên tổng tỷ lệ phần trăm của hai chất là 19,88%.

Như vậy, các bị cáo Trần Vũ Bảo H, Võ Văn T phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy đối với 0,3373 gam loại Ketamine + 0,9102 gam loại MDMA và hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy thuộc trường hợp đối với 02 người trở lên. Bị cáo Trịnh Hồng T3 phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi thỏa thuận, nhận tiền từ H và T, mua ma túy về bán lại cho H và T để hưởng lợi, phạm tội thuộc trường hợp “Đối với 02 người trở lên” và hành vi để cho H, T, K, T4 sử dụng ma túy tại địa điểm do mình đang phụ trách quản lý, xào ma túy Ketamine giúp cho H, phạm tội với vai trò giúp sức cho các bị cáo H, T tổ chức sử dụng ma túy.

[4] Với các nội dung lập luận từ mục [1] đến mục [3], xét đã có đủ căn cứ kết tội: các bị cáo Trần Vũ Bảo H, Võ Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 1 Điều 249 và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255; bị cáo Trịnh Hồng T3 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 2 Điều 251 và tội “Tổ chức sử

dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bản Cáo trạng đã truy tố và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[5] Hành vi phạm tội của các bị cáo là cố ý, nghiêm trọng và gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy, không những gây mất trật tự trị an, sức khỏe con người, mà còn làm tha hóa thanh thiếu niên, là một trong những nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác. Bản thân các bị cáo nhận thức rõ tác hại của ma túy nhưng vẫn cố tình phạm tội.

Vì vậy, cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra về từng tội danh mà các bị cáo phạm phải và buộc các bị cáo phải chịu hình phạt tổng hợp chung của nhiều tội theo quy định tại Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo và góp phần đấu tranh, phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo **Trần Vũ Bảo H**, **Trịnh Hồng T3** đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo **Võ Văn T** tại phiên tòa tuy không thừa nhận hành vi tổ chức sử dụng nhưng đã thừa nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, trong phần nói lời sau cùng bị cáo thể hiện sự ăn năn hối cải, nhận thức được hành vi sai phạm, tại giai đoạn điều tra bị cáo cũng đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử vẫn áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 nhưng ở mức hạn chế hơn so với bị cáo **H** và bị cáo **T3**.

Các bị cáo **Trịnh Hồng T3**, **Trần Vũ Bảo H**, **Võ Văn T** đều phạm tội lần đầu, nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo **T** có con nhỏ sinh năm 2012, có cha ruột là ông **Võ Văn B** (bí danh: **Võ Văn T1**) là thương binh hạng 2/4; bị cáo **T3** có hoàn cảnh khó khăn, gia đình có thành tích đóng góp trong công tác xây dựng nông thôn mới tại địa phương (có xác nhận của chính quyền địa phương), bị cáo **T3** có tuổi đời còn trẻ, cha mẹ ly hôn, bà nội của bị cáo là **Nguyễn Thị L2** từng tham gia thanh niên xung phong, được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[7] Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, vai trò của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự,

hoàn cảnh và nhân thân của từng bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định khi quyết định hình phạt cho các bị cáo như sau:

Về tội danh “Tàng trữ trái phép chất ma túy” đối với các bị cáo **H**, **T** và tội “Mua bán trái phép chất ma túy” đối với bị cáo **T3**. Xét các bị cáo phạm tội độc lập tương ứng với từng hành vi phải chịu trách nhiệm hình sự nên cần áp dụng hình phạt tương xứng với khung hình phạt và điều luật mỗi bị cáo phải chịu.

Về tội danh “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”: Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, nhưng cần áp dụng quy định tại Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự để phân hóa vai trò của từng bị cáo, xử phạt mỗi bị cáo với mức hình phạt phù hợp. Bị cáo **Trần Vũ Bảo H** là người khởi xướng, đã cùng với bị cáo **T** lôi kéo **K** và **T4** cùng tham gia sử dụng ma túy, đưa tờ tiền 5.000 đồng để **T3** chế biến (xào, nấu) ma túy, phân chia ma túy cho những người khác trong nhóm sử dụng nên mức án đối với bị cáo cần phải nghiêm khắc. Bị cáo **T** tiếp nhận ý chí từ bị cáo **H** cùng liên hệ đặt, góp tiền mua ma túy của **T3** để cả nhóm sử dụng nên cũng cần có hình phạt tương xứng. Bị cáo **T3** phạm tội với vai trò giúp sức, chỉ giúp các bị cáo **H**, **T** chế biến (xào, nấu) ma túy bằng hình thức cà nhuễn ma túy bỏ vào ly để nhóm bị cáo **H** sử dụng, cho **H**, **T**, **K**, **T4** sử dụng ma túy tại địa điểm do mình đang phụ trách quản lý nên mức án đối với bị cáo phải thấp hơn so với các bị cáo **H** và **T**.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét tính chất hành vi và mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng thêm hình phạt tiền về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 5 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo **H**, **T** và hình phạt tiền về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 bị cáo **T3** để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Do đã áp dụng hình phạt tiền ở các tội danh trên, đồng thời xét bị cáo **T3** phạm tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy với vai trò hạn chế, các bị cáo **H**, **T** phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy do bộc phát, nhất thời, hoàn cảnh kinh tế của các bị cáo có phần khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là tiền đối với các bị cáo ở tội danh này.

[9] Về hành vi của đối tượng liên quan:

- Đối với **Nguyễn Hoàng K**, **Nguyễn Anh T4** cùng với **H**, **T** đi đến **phố B** và vào phòng hát karaoke, **K** và **T4** không biết trước các bị cáo **H**, **T** sẽ mua ma túy để cả nhóm sử dụng. Cơ quan điều tra không xử lý đối với **K** và **T4** là có căn cứ.

- Đối với người đàn ông tên **D** đã bán ma túy cho **Trịnh Hồng T3**, do **T3** khai không rõ lai lịch nên cơ quan điều tra không có cơ sở điều tra làm rõ để xử lý.

[10] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2021:

- Đối với số ma túy còn lại sau giám định là vật cấm lưu hành và các vật chứng gồm: ly thủy tinh, ống hút nhựa màu đen không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với: 01 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng thu giữ tại hiện trường và số tiền 400.000 đồng là tiền bị cáo **T3** bán ma túy mà có. Đây là tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm và là tiền do phạm tội mà có nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu OPPO, số Imei: 865545058770593 và số tiền 1.000.000 đồng thu giữ của bị cáo **Trần Vũ Bảo H**; 01 điện thoại di động hiệu OPPO, số Imei 1: 866124066525297 và số tiền 12.000.000 đồng thu giữ của bị cáo **Võ Văn T**; 01 điện thoại di động hiệu Iphone và số tiền 140.000 đồng thu giữ của bị cáo **Trịnh Hồng T3**. Đây là các tài sản cá nhân của các bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội và không phải là tài sản do phạm tội mà có nên trả lại cho các bị cáo.

- Đối với 01 xe mô tô hiệu Honda loại SH 150I, biển số 59D3-317.45, số khung: ZDCKF10BF100331, số máy: KF08E1071954KTGE1 thu giữ của bị cáo **Võ Văn T**, qua xác minh xe do bà **Nguyễn Thị T5** đứng tên chủ sở hữu. Bà **T5** khai vào năm 2023 đã bán xe trên cho **Võ Văn T**. Do chủ sở hữu xác định đã bán xe, bị cáo **T** là người quản lý hợp pháp và chưa có căn cứ xác định bị cáo sử dụng xe vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[11] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo **Trần Vũ Bảo H**, **Võ Văn T** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, bị cáo **Trịnh Hồng T3** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

1. Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249; điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Trần Vũ B1** Hiên 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, 08 (tám) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt

chung của cả hai tội là 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/7/2023.

Phạt bổ sung bị cáo **Trần Vũ Bảo H** số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

2. Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249; điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Võ Văn T** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 09 (chín) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/7/2023.

Phạt bổ sung bị cáo **Võ Văn T** số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

3. Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Trịnh Hồng T3** 07 (bảy) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/7/2023.

Phạt bổ sung bị cáo **Trịnh Hồng T3** số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

4. Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2021:

- Tịch thu, tiêu hủy: 04 (bốn) gói niêm phong bên trong có chứa 0,3373 gam ma túy loại Ketamine và 0,9102 gam ma túy loại MDMA; 01 (một) ly thủy tinh; 02 (hai) ống hút nhựa màu đen.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: số tiền 405.000 (bốn trăm linh năm nghìn) đồng.

- Trả lại cho bị cáo **Trịnh Hồng T3**: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone có IMEI: 357274091299917 và số tiền 140.000 (một trăm bốn mươi nghìn) đồng.

- Trả lại cho bị cáo **Trần Vũ Bảo H**: 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO có số IMEI 1: 865545058770593, số IMEI 2: 865545058770585 và số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng.

- Trả lại cho bị cáo **Võ Văn T**: 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO, số IMEI 1: 866124066525297, số IMEI 2: 866124066525286; số tiền 12.000.000 (mười hai triệu) đồng và 01 (một) chiếc xe mô tô hiệu Honda loại SH 150I, biển

số 59D3-317.45, số khung: ZDCKF10BF100331, số máy: KF08E1071954KTGE1.

(Tất cả vật chứng trên theo phiếu nhập kho vật chứng số 167/2023/PNK-THAHS ngày 25/7/2023, số 168/2023/PNK-THAHS ngày 25/7/2023 và số 257/2023/PNK-THAHS ngày 19/10/2023 của **Đ1 Công an Q**, Thành phố Hồ Chí Minh).

5. Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2021; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo **Trần Vũ Bảo H**, **Võ Văn T**, **Trịnh Hồng T3**, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2021, các bị cáo **Trần Vũ Bảo H**, **Võ Văn T**, **Trịnh Hồng T3**, bà **Nguyễn Anh T4**, bà **Nguyễn Hoàng K** được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà **Nguyễn Thị T5** được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014 (sau đây gọi tắt là Luật thi hành án dân sự) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP.HCM; (1)
- VKSND Quận 1, TP.HCM; (3)
- Bị cáo; (3)
- Nhà tạm giữ Công an Quận 1; (3)
- Cơ quan THA-HS có thẩm quyền; (3)
- Phòng PV06-CA TP.HCM; (1)
- Công an Quận 1; (1)
- Chi cục THADS Quận 1; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (3)
- Dương sự; (3)
- Lưu: VP, hồ sơ./. (P/28) (5)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Sỹ Hùng